



HOÀN THIỆN CƠ CHẾ QUẢN LÝ CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI SINH VIÊN CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG LẬP

NCS. ĐÀM ĐẮC TIẾN - Học viện Khoa học Xã hội - Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

Ở Việt Nam, việc thực hiện các chính sách hỗ trợ sinh viên học tập tại các cơ sở giáo dục đã trở thành chính sách nhất quán của Đảng và Nhà nước. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện thì các chính sách này vẫn còn những vấn đề tồn tại, bất cập cần điều chỉnh để phù hợp với thực tiễn. Bài viết này sẽ góp phần hoàn thiện cơ chế quản lý các chính sách đối với sinh viên hiện nay, đồng thời góp phần đẩy mạnh việc thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 4/11/2013 Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo.

• Từ khóa: Giáo dục, đại học công lập, trợ cấp xã hội, cho vay, học bổng.

Chính sách đối với sinh viên tại trường đại học công lập hiện nay

Trong những năm qua, Đảng và Nhà nước luôn coi việc đầu tư cho giáo dục là quốc sách và đầu tư cho sự phát triển bền vững của đất nước. Do vậy, việc hỗ trợ cho học sinh, sinh viên học tập tại các cơ sở giáo dục đã trở thành chính sách nhất quán của Đảng và Nhà nước. Trong đó, chính sách xã hội dành cho sinh viên hiện nay đang được Đảng và Chính phủ quan tâm đầu tư bao gồm nhiều dự án và hạng mục. Có thể kể đến 04 chính sách chính, gồm:

Chính sách cho vay tín dụng

Tín dụng đối với sinh viên là việc Nhà nước thực hiện chính sách cho vay hỗ trợ để trang trải một phần chi phí học tập, sinh hoạt của sinh viên đang theo học tại trường. Sau gần 9 năm thực hiện (2007-2015), tổng dư nợ của chương trình trên toàn quốc đạt gần 25 ngàn tỷ đồng, đáp ứng kịp thời nhu cầu vay vốn của đối tượng thụ hưởng theo quy định. Chương trình này đã giúp cho hơn 3,2 triệu lượt học sinh - sinh viên được vay vốn trang trải chi phí học tập. Tính đến thời điểm hiện nay, đang còn 1,1 triệu hộ gia đình còn dư nợ tại Ngân hàng Chính sách Xã hội Việt Nam với 1,3 triệu học sinh - sinh viên vay vốn đi học.

Đối tượng được vay vốn tín dụng tại Ngân hàng chính sách Xã hội bao gồm: Sinh viên mồ côi cả cha lẫn mẹ hoặc chỉ mồ côi cha hoặc mẹ mà người còn lại không có khả năng lao động; Sinh viên là con (con đẻ hoặc con nuôi hợp pháp) của chủ hộ

gia đình, thuộc một trong các đối tượng như: Hộ nghèo theo quy định của pháp luật; hoặc hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người tối đa bằng 150% mức thu nhập bình quân đầu người của hộ gia đình nghèo theo quy định của pháp luật; Sinh viên mà gia đình gặp khó khăn về tài chính do tai nạn, bệnh tật, thiên tai, hoả hoạn, dịch bệnh trong thời gian theo học có xác nhận của Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn nơi cư trú.

Chính sách trợ cấp xã hội

- *Đối tượng được trợ cấp xã hội:* Theo quy định, đối tượng được hưởng là sinh viên người dân tộc ít người ở vùng cao, vùng sâu và vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; Sinh viên mồ côi cả cha lẫn mẹ, không nơi nương tựa. Đây là những người không có người đỡ đầu chính thức, không có nguồn chu cấp thường xuyên; Sinh viên là người tàn tật gặp khó khăn về kinh tế, khả năng lao động suy giảm từ 41% trở lên do tàn tật; Sinh viên có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn về kinh tế, vượt khó học tập là những người mà gia đình thuộc diện xóa đói giảm nghèo và có điểm học tập từ 6,5 trở lên.

- *Mức hưởng trợ cấp xã hội:* Sinh viên là người dân tộc ít người ở vùng cao, vùng sâu và vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn hưởng mức trợ cấp 140.000 đồng/người/tháng. Trong khi đó, sinh viên mồ côi cả cha lẫn mẹ, không nơi nương tựa; Sinh viên là người tàn tật gặp khó khăn về kinh tế, khả năng lao động suy giảm từ 41% trở lên do tàn tật; Sinh viên có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn về kinh tế, vượt khó học tập hưởng mức

trợ cấp 100.000 đồng/người/tháng. Trợ cấp xã hội được cấp 12 tháng trong năm học và cấp theo từng học kỳ.

Chính sách liên quan đến miễn, giảm học phí

- *Đối tượng không phải đóng học phí:* Sinh viên ngành Sư phạm hệ chính quy đang theo học tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học công lập, theo chỉ tiêu đào tạo của Nhà nước, được ngân sách nhà nước (NSNN) cấp bù học phí. Người theo học các khoá đào tạo nghiệp vụ sư phạm để đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- *Đối tượng được miễn học phí:* Người có công với cách mạng và thân nhân của người có công với cách mạng (Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân; Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, Bệnh binh; Con của người hoạt động cách mạng trước ngày 01/01/1945; con của người hoạt động cách mạng từ ngày 01/01/1945 đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 ...); Sinh viên mồ côi cả cha lẫn mẹ không nơi nương tựa hoặc bị tàn tật, khuyết tật có khó khăn về kinh tế; Sinh viên hệ cử tuyển; Sinh viên học tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo; Sinh viên người dân tộc thiểu số rất ít người ở vùng có điều kiện kinh tế-xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn.

- *Đối tượng được giảm 50% học phí:* Sinh viên là con cán bộ, công nhân, viên chức mà cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên.

Chính sách học bổng

- *Đối tượng và phạm vi áp dụng chế độ học bổng khuyến khích học tập:* Học bổng khuyến khích học tập chỉ được xét cấp đối với sinh viên hệ Đại học chính quy. Học bổng khuyến khích học tập được cấp trên cơ sở kết quả học tập và rèn luyện của sinh viên. Học bổng khuyến khích học tập được chia làm 3 loại: Loại khá; Loại giỏi và Loại xuất sắc.

- *Mức học bổng:* Mức học bổng theo mỗi loại ở mỗi học kỳ sẽ bằng mức thu của 01 tín chỉ học phí nhân với tổng số tín chỉ học phí. Đối với sinh viên hệ đại học chính quy có số tín chỉ học phí trung bình của một sinh viên phải đóng cho 1 học kỳ hiện nay là 15 tín chỉ học phí. Vì vậy, chọn số lượng 15 tín chỉ học phí làm cơ sở cho loại học bổng khuyến khích học tập thấp nhất (loại khá) và áp dụng tăng 33% đối với các mức học bổng cao hơn. Học bổng khuyến khích học tập được cấp theo từng học kỳ và cấp 10 tháng trong năm học.

Những bất cập, tồn tại

Ngoài những mặt tích cực, trong quá trình thực hiện các chương trình, các chính sách hỗ trợ học sinh, sinh viên trên còn có những bất cập, cụ thể:

Đối với chính sách học bổng khuyến khích học tập:

Một là, đây là chính sách dựa trên sự đánh giá kết quả học tập của sinh viên. Đánh giá thực chất, chính xác, khách quan kết quả học tập và rèn luyện của sinh viên là điều kiện đầu tiên bảo đảm cho sự thành công của chính sách. Trong điều kiện hiện nay, nhiều người quan tâm đến hệ thống đánh giá thành tích học tập của sinh viên. Nếu đưa ra chính sách học bổng theo kết quả mà không kiểm soát quy trình đánh giá chất lượng sẽ khó đạt mục tiêu đề ra.

Hai là, vấn đề đặt ra là đa số những sinh viên có điều kiện kinh tế thường có đủ điều kiện để học tập, nên kết quả học tập thường cao hơn những sinh viên có điều kiện khó khăn. Hơn nữa, ngoài thời gian học tập, sinh viên khó khăn thường phải tham gia làm thêm nhiều công việc để kiếm tiền trang trải cho cuộc sống và chi phí học tập cho nên điều kiện học tập và kết quả học tập đạt được không thể bằng những sinh viên có điều kiện học tập. Do vậy, các học bổng này thường do các sinh viên đã có đủ điều kiện học tập chiếm đa số.

Đối với chính sách trợ cấp xã hội:

Hiện nay, khi thực hiện chính sách trợ cấp xã hội cho sinh viên, vẫn còn hiện tượng một số cơ quan quản lý đã không tách bạch giữa học bổng khuyến khích học tập và trợ cấp xã hội. Điều này gây nên nhiều trợ ngại cho sinh viên trong quá trình làm thủ tục hưởng các chế độ chính sách về trợ cấp xã hội.

Đối với các chính sách liên quan đến học phí:

Chính sách miễn, giảm học phí đã làm giảm bớt phần nào gánh nặng cho sinh viên về vấn đề học phí. Chính sách này thể hiện quyết tâm của toàn Đảng, toàn dân về công cuộc xoá đói, giảm nghèo, đưa miền núi tiến kịp miền xuôi. Tuy nhiên, chính sách đầu tư bằng NSNN cho miễn, giảm học phí đã và đang bộc lộ một số bất cập sau:

Thứ nhất, đối tượng được hưởng lợi ích từ chính sách này được quy định khá cụ thể. Tuy nhiên, trên thực tế, sinh viên thuộc nhóm đối tượng nếu học tại các cơ sở giáo dục đại học ngoài công lập lại không được hưởng. Điều này, tạo ra sự bất bình đẳng khi sinh viên thuộc hộ nghèo đang theo học tại các trường ngoài công lập không được nhận.



Thứ hai, quy định miễn, giảm học phí theo vùng, theo nhóm dân tộc là chưa thực sự phù hợp với thực tế. Bởi trong thực tế, dù ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, nhiều gia đình đã có đời sống khá giả nhưng con em họ là sinh viên vẫn được trợ cấp xã hội, miễn, giảm học phí. Vì vậy, nên có quy định cụ thể dù ở vùng sâu, vùng xa, đồng bào dân tộc thiểu số ít người nhưng phải thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo mới được hưởng lợi từ chính sách. Sinh viên thuộc hộ nghèo nhưng không phải là người dân tộc không được miễn học phí hoàn toàn. Đây là điều bất cập hiện nay bởi vì rất nhiều trường hợp sinh viên có thể bị thôi học nếu không có đủ tiền để đóng học phí.

Thứ ba, nhiều trường đại học công lập chưa phân biệt rõ giữa học phí và học bổng. Do vậy, đã miễn kinh phí đào tạo đối với sinh viên thủ khoa. Học phí là khoản phải đóng góp. Học bổng là phần kinh phí nhận được do có nỗ lực học tập, đạt thành tích cao. Cần phải có cơ chế kiểm soát chặt chẽ, loại bỏ hiện tượng này.

Đối với chính sách tín dụng sinh viên

Quản lý nhà nước đối với các chương trình, chính sách tín dụng sinh viên, về nguyên tắc, cần quan tâm tới các nội dung chính sau: chính sách ưu đãi, nguồn vốn để ưu đãi, thu hồi vốn vay, xử lý nợ xấu phát sinh, chủ thể đứng ra thực hiện các khoản cho vay... Khảo sát đánh giá các chính sách tín dụng sinh viên trong thời gian qua, có thể rút ra một số thách thức đang gặp phải trên thực tế như sau:

- *Về kinh phí mà sinh viên được cho vay*: Nếu cho vay như mức hiện nay là 1,25 triệu đồng/tháng/sinh viên (Quyết định 07/QĐ-TTg ngày 05/1/2016), đa số cho rằng số tiền đó chỉ là khoản "hỗ trợ" hơn là khoản vay. Mức chi tiêu cho sinh hoạt của sinh viên ở thành phố lớn bao gồm cả tiền trọ, học phí, sinh hoạt là khoảng 3 triệu đồng/tháng. Mức cho vay trên chỉ hỗ trợ một phần sinh hoạt. Tuy nhiên, khó khăn nhất là không thể nâng mức vay lên cao hơn, thí dụ đề xuất khoảng 1,5 triệu đồng/tháng/sinh viên, thì nguồn vốn cho vay không thể đáp ứng.

- *Thu tục vay vốn*: Hiện nay, một số trường yêu cầu sinh viên viết giấy cam kết trả nợ nhằm tạo ra một cơ sở pháp lý cho việc trả nợ. Tuy nhiên, tính pháp lý này lại không cao vì quan hệ "tay ba" vay và trả nợ lại không thuộc về phía nhà trường mà là gia đình - chính quyền cấp xã và Ngân hàng Chính sách xã hội. Nhà trường chỉ đóng vai trò là người xác nhận sự có mặt của sinh viên đang theo học tại trường vào thời điểm xác nhận bởi nếu sinh viên

bỏ học, thôi không học, nhà trường lại không có trách nhiệm để thông báo cho Ngân hàng Chính sách xã hội. Do vậy, quan hệ "bốn chiều" của các chủ thể theo Quy trình thẩm định, phê duyệt vốn vay theo hộ gia đình quy định tại Nghị định 75 cần phải được hoàn thiện.

- *Về trả vốn hay thu hồi vốn vay*: Trách nhiệm trả vốn vay thuộc về gia đình sinh viên hay sinh viên vẫn chưa được người vay nhận thức đúng. Cha mẹ sinh viên thường quan niệm con em mình khi ra trường sẽ chịu trách nhiệm trả khoản vay. Sinh viên cũng ít quan tâm việc trả vốn vay sau khi ra trường. Trong khi chúng ta đang thiếu, yếu về kiểm soát thu nhập và thuế thu nhập cá nhân; mọi quy định hành chính đối với việc hoàn trả vốn vay sẽ ít hiệu lực.

Sau gần 9 năm thực hiện (2007-2015), chương trình tín dụng cho sinh viên đã giúp cho hơn 3,2 triệu lượt học sinh-sinh viên được vay vốn trang trải chi phí học tập. Tính đến thời điểm hiện nay, đang còn 1,1 triệu hộ gia đình còn dư nợ tại Ngân hàng Chính sách Xã hội Việt Nam với 1,3 triệu học sinh-sinh viên vay vốn đi học.

Hơn nữa, việc hoàn trả vốn quy định 12 tháng sau khi tốt nghiệp là một trong những điều bất khả thi trong thị trường lao động Việt Nam hiện nay do thất nghiệp vẫn đang là một vấn đề nhức nhối đối với nước ta. Vì vậy, nhiều sinh viên đã nghèo, ra trường bỗng nhiên nợ tín dụng học sinh sinh viên vô hình chung trở thành gánh nặng cho các em. Chưa kể đến việc nếu cha mẹ sinh viên đứng ra bảo lãnh tiền vay, mỗi năm 10 triệu đồng và chu kỳ 4 - 5 năm, thì 40 - 50 triệu đồng vay. Nếu một gia đình nghèo có 2 con học cao đẳng, đại học với tổng vốn vay lên đến 80 - 100 triệu đồng thì thách thức đó lớn hơn rất nhiều.

Giải pháp hoàn thiện

Việc hoàn thiện cơ chế quản lý cấp bù học phí, học bổng khuyến khích học tập, hỗ trợ chi phí học tập, miễn giảm học phí và tín dụng cho sinh viên đặt ra như một nhu cầu thiết yếu nhằm hỗ trợ sinh viên tốt nhất, góp phần hoàn thiện cơ chế quản lý đầu tư cho giáo dục hiệu quả hơn. Do vậy, tới đây cần thực hiện một số giải pháp cụ thể sau:

Một là, Nhà nước cần tiếp tục đầu tư hỗ trợ các cơ sở giáo dục đại học thông qua hỗ trợ đầu tư xây dựng cơ sở, chi thường xuyên; đồng thời, có chính sách hỗ trợ trực tiếp sinh viên bằng nhiều hình thức khác nhau.

Hai là, tổng rà soát các văn bản pháp luật, sửa đổi, bổ sung để có một cơ chế cấp bù học phí, học bổng khuyến khích, chi phí hỗ trợ học tập và tín dụng cho sinh viên rõ ràng dựa trên việc xác định các tiêu chí cụ thể, tránh chồng chéo về đối tượng thụ hưởng chính sách, đảm bảo tất cả sinh viên được bình đẳng tiếp cận các chính sách hỗ trợ sinh viên.

Ba là, đối với hỗ trợ thông qua hình thức tín dụng, cần được điều chỉnh cơ chế dựa trên nguyên tắc: Tiêu chí đối với nhóm đối tượng có thể được hưởng tín dụng ưu đãi; mức NSNN có thể hỗ trợ dựa trên mức chi phí sinh hoạt trung bình của một sinh viên. Chương trình, dự án tín dụng hiện chỉ áp dụng cho nhóm đối tượng nghèo, cận nghèo. Để đáp ứng nhu cầu thực tế, cần có chính sách mở rộng đối tượng: Nhóm hộ gia đình có 2 con học đại học, cao đẳng; Nhóm có nhu cầu đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ. Bởi, hiện nay nhu cầu học sau đại học rất lớn nhưng vốn tín dụng ưu đãi chưa đề cập tới nhóm này. Ngoài việc mở rộng về đối tượng, cơ chế tín dụng cần có sự mở rộng về lãi suất, gồm: lãi suất ưu đãi thấp như hiện nay cho nhóm đối tượng nghèo, cận nghèo; lãi suất thấp hơn mức lãi suất ngân hàng thương mại cho các nhóm khác; giảm lãi suất nếu trả trước thời hạn.

Chính sách miễn, giảm học phí đã làm giảm bớt phần nào gánh nặng cho sinh viên về vấn đề học phí. Chính sách này thể hiện quyết tâm của toàn Đảng, toàn dân về công cuộc xoá đói, giảm nghèo, đưa miễn nui tiến kịp miễn xuôi.


Bốn là, trở ngại lớn nhất của chương trình, dự án tín dụng sinh viên là khả năng thu hồi vốn. Trong bối cảnh hiện nay, quy định sau khi sinh viên tốt nghiệp 12 tháng phải trả nợ là khó khả thi. Nên chăng, thay bằng quy định trả nợ sau khi có việc làm. Thay đổi đầu tư NSNN cho Quỹ tín dụng sinh viên cùng với thay đổi cách quản lý sinh viên ra trường, đi làm và kiểm soát thu nhập linh hoạt hơn trong chính sách cho vay sẽ tạo ra thị trường vốn tín dụng hỗ trợ sinh viên học tập và tác động rất lớn đến phát triển kinh tế - xã hội khi đưa một lực lượng có trình độ cao vào thị trường lao động. Đồng thời chỉ đạo bổ sung, hoàn thiện cơ chế, chính sách để bảo đảm an toàn vốn vay, mở rộng, nâng cao chất lượng tín dụng, mang lại niềm tin cho toàn xã hội.

Bên cạnh đó, để phát huy hơn nữa tính hiệu quả của Chương trình tín dụng học sinh, sinh viên cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường, ngân hàng, địa phương và các tổ chức xã hội trong cả nước. Mặt khác, cũng cần thực hiện tốt việc công khai, dân chủ từ cơ sở trong việc thực hiện chương

trình tín dụng đối với học sinh, sinh viên nhằm tạo kênh dẫn vốn đến đúng đối tượng thụ hưởng, hạn chế đến mức thấp nhất các tiêu cực có thể xảy ra. Ngoài ra, tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền để các đối tượng thụ hưởng hiểu rõ hơn mục đích, ý nghĩa của chương trình tín dụng có tính nhân văn, ý nghĩa xã hội cao cả này.

Năm là, đổi mới chính sách, cơ chế tài chính, huy động sự tham gia đóng góp của toàn xã hội; nâng cao hiệu quả đầu tư để phát triển giáo dục và đào tạo. Nhà nước giữ vai trò chủ đạo trong đầu tư phát triển giáo dục và đào tạo, NSNN chi cho giáo dục và đào tạo tối thiểu ở mức 20% tổng chi ngân sách; chú trọng nâng cao hiệu quả sử dụng vốn NSNN.

Đẩy mạnh xã hội hóa, trước hết đối với giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học; khuyến khích liên kết với các cơ sở đào tạo nước ngoài có uy tín. Có chính sách khuyến khích cạnh tranh lành mạnh trong giáo dục và đào tạo trên cơ sở bảo đảm quyền lợi của người học, người sử dụng lao động và cơ sở giáo dục, đào tạo. Đối với các ngành đào tạo có khả năng xã hội hóa cao, NSNN chỉ hỗ trợ các đối tượng chính sách, đồng bào dân tộc thiểu số và khuyến khích tài năng. Tiến tới bình đẳng về quyền được nhận hỗ trợ của Nhà nước đối với người học ở trường công lập và trường ngoài công lập.

Tiếp tục hoàn thiện chính sách hỗ trợ đối với các đối tượng chính sách, đồng bào dân tộc thiểu số và cơ chế tín dụng cho học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn được vay để học. Khuyến khích hình thành các quỹ học bổng, khuyến học, khuyến tài, giúp học sinh, sinh viên nghèo học giỏi. Khuyến khích các doanh nghiệp, cá nhân sử dụng lao động tham gia hỗ trợ hoạt động đào tạo. Xây dựng cơ chế, chính sách tài chính phù hợp đối với các loại hình trường. Có cơ chế ưu đãi tín dụng cho các cơ sở giáo dục, đào tạo... 

Tài liệu tham khảo:

1. Quốc hội, Luật Giáo dục số 38/2005/QH11;
2. Chính phủ, Quyết định số 07/QĐ-TTg ngày 05/01/2016 về điều chỉnh mức cho vay đối với học sinh, sinh viên.
3. Các văn bản pháp luật về các chính sách: học bổng, trợ cấp xã hội, miễn giảm học phí hỗ trợ chi phí học tập, tín dụng đối với học sinh, sinh viên hiện hành;
4. Nguyễn Trọng Đàm, (2015), Hoàn thiện chính sách an sinh xã hội phù hợp với quá trình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, Tạp chí Cộng sản;
5. Phùng Văn Hiến, (2014), Chính sách hỗ trợ sinh viên – những vấn đề đặt ra hiện nay, Tạp chí Lý luận Chính trị;
6. Nguyễn Vinh Hiến, (2015), Về công tác xã hội hóa giáo dục ở nước ta những năm qua và các giải pháp đồng bộ cần thực hiện thời gian tới Tạp chí Cộng sản.